



Trạm bơm tiêu úng (bẫy cửa) xây dựng 1962.
Thường xuyên được tôn tạo, nâng cấp



Trạm bơm tưới (bẫy cửa) xây dựng 1971

Công tác y tế, giáo dục được Đảng bộ chú trọng, tuy gặp nhiều khó khăn về thời tiết, về chiến tranh, về lao động chi viện cho chiến trường nhưng cơ sở vật chất luôn được tăng cường, việc chữa bệnh được kết hợp đông và tây y. Các trang thiết bị của trạm tương đối đầy đủ để chăm sóc sức khoẻ cho nhân dân và đủ cơ sở thuốc dùng đột xuất cho thương vong chiến tranh cho việc chống bão lũ. Trạm xá xã gồm 7 người (trong đó có 1 bác sỹ, 1 lương y). Toàn xã đã đẩy mạnh phong trào “ba sạch”, “ba công trình” giếng nước, nhà tắm, hố xí hợp vệ sinh. Việc tiêm chủng được tiến hành đúng định kỳ, phong trào sinh đẻ có kế hoạch được phụ nữ hưởng ứng. Tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên của xã năm 1975 là 3,02%, giảm 0,15% so với năm 1965. Công tác giáo dục vẫn được phát triển mạnh từng năm của cả người học phổ thông và các lớp bổ túc văn hoá luôn là đơn vị khá của huyện. Năm 1973, một số lớp đã được chuyển từ nơi sơ tán về chỗ tập trung. Ngành học mầm non được quan tâm nhiều hơn, hợp tác xã đã trích ngân sách xây dựng cơ sở bước đầu cho ngành học, không phải nhờ nhà dân. Các cô nuôi dạy trẻ được nhận công điểm của hợp tác xã cao hơn người đi sản xuất. Các nhà trẻ đã kết hợp người nuôi và dạy, các cháu nhỏ được chăm nuôi bán trú để bố mẹ yên tâm và có điều kiện tham gia sản xuất.

Chính sách hậu phương quân đội trong thời kỳ này được Đảng bộ quan tâm. Các hợp tác xã đều lên phương án cân đối lương thực cho các gia đình thương binh, liệt sỹ, gia đình có người đi chiến trường B, C, K, đảm bảo các gia đình này có mức sống bằng các gia đình trung bình, thực hiện chính sách ưu tiên cho con em thương binh, liệt sỹ vào thẳng cấp III, việc thực hiện nghĩa vụ là hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn đều được hoàn thành kế hoạch giao về lương thực, thực phẩm. Các phong trào lớn để toàn dân chi viện cho chiến trường được phát động như quyên góp ủng hộ rau khô, nhận

chăm sóc thương binh. Nhiều gia đình trong xã đã khắc phục khó khăn nhường chỗ ở, nhường nhà cửa để đón thương, bệnh binh từ chiến trường trở về an dưỡng.

Công tác xây dựng Đảng có nhiều đổi mới và chuyển biến tích cực cả về công tác tư tưởng, công tác tổ chức lãnh đạo thực hiện. Qua việc tổng kết công tác chỉ đạo xây dựng Đảng bộ, chi bộ 4 tốt và qua cuộc vận động phát triển lớp đảng viên Hồ Chí Minh đợt 19/5 và 02/9/1970. Chất lượng đảng viên trong toàn Đảng bộ được nâng lên, tính tiên phong gương mẫu của đảng viên ở từng cương vị công tác đã là nòng cốt thúc đẩy phong trào phát triển sản xuất và xây dựng nông thôn mới.

Tháng 9/1971, Đảng bộ xã Trác Văn tiến hành Đại hội Đảng bộ. Đại hội đánh giá kết quả thực hiện 2 năm 1969 – 1970 và đề ra phương hướng hoạt động lãnh đạo của Đảng bộ trong 2 năm 1971 – 1972. Đại hội đã bầu 13 đồng chí vào Ban Chấp hành Đảng bộ, đồng chí Nguyễn Văn Sừ được tái cử làm Bí thư Đảng uỷ. Đồng chí Nguyễn Văn Hạnh làm Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã.

Nhằm tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của Đảng và nâng cao chất lượng tổ chức Đảng. Đảng bộ đã mở đợt học tập tác phẩm “nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân” của Hồ Chủ tịch. Thực hiện Chỉ thị 173 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Đảng bộ mở đợt sinh hoạt rộng lớn cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp dân cư: “Học tập và làm theo di chúc của Hồ Chủ tịch”. Trong cuộc vận động và tổ chức học tập này, cùng với việc nâng cao chất lượng tổ chức Đảng thì công tác bồi dưỡng, giáo dục cho đoàn viên thanh niên được chú trọng. Trong năm 1971, Đảng bộ đã tổ chức kết nạp được 3 đảng viên lớp Hồ Chí Minh đảm bảo chất lượng và đủ tiêu chuẩn.

Tháng 4/1972, đế quốc Mỹ thực hiện đánh phá miền Bắc bằng không quân lần thứ 2 với qui mô lớn và ác liệt hơn. Trong điều

kiện vừa phải đẩy mạnh sản xuất, tích cực chi viện sức người, sức của cho chiến trường miền Nam, vừa phải chống lại chiến tranh phá hoại, nhưng Đảng bộ vẫn duy trì nhiều đợt sinh hoạt chính trị để quán triệt Nghị quyết 195 về nâng cao chất lượng đảng viên và đưa những người không đủ tiêu chuẩn ra khỏi Đảng. Qua đó việc đấu tranh phê và tự phê của các chi bộ và đảng viên tích cực hơn, giảm tình trạng hủ khuynh, né tránh. Qua đây quan hệ giữa Đảng và quần chúng được gắn bó, quần chúng tin tưởng vào sự lãnh đạo và chủ trương của Đảng đề ra.

Sau 12 ngày đêm chiến đấu ngoan cường của quân và dân miền Bắc. Chiến thắng oanh liệt “Điện Biên Phủ trên không” đã kết thúc cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ đối với miền Bắc, đồng thời chúng cũng bị thất bại nặng nề ở chiến trường miền Nam, đế quốc Mỹ buộc phải ký Hiệp định Pari, rút quân đội Mỹ và chư hầu ra khỏi đất nước ta. Nhưng chúng vẫn ngoan cố dùng chính sách “Việt Nam hoá chiến tranh”, tăng cường xây dựng nguy quân, tăng cường viện trợ để âm mưu chia cắt lâu dài đất nước ta. Trước tình hình trên, Đảng bộ đã tổ chức cho cán bộ, đảng viên học tập mừng thắng lợi lớn của ta và nhận rõ những âm mưu mới của kẻ thù. Nhiệm vụ của Đảng bộ là tiếp tục tập trung mọi khả năng và tạo chuyển biến quan trọng trong việc đưa nông nghiệp từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Nghị quyết 22 của Ban Chấp hành Trung ương (khoá III), Nghị quyết Hội nghị lần thứ 10 của Tỉnh uỷ Hà Nam và Nghị quyết Đại hội XI của Huyện uỷ về khôi phục và phát triển kinh tế 2 năm (1974 – 1975) được tổ chức học tập, nghiên cứu các chi bộ đều xây dựng chương trình hành động, đề ra những chỉ tiêu cụ thể để thực hiện.

Tháng 4 năm 1975, Đại hội Đảng bộ huyện Duy Tiên lần thứ XII được tiến hành. Thực hiện sự chỉ đạo của Huyện uỷ và Nghị

quyết Đại hội XII, Đảng bộ Trác Văn đã tổ chức cho đảng viên học tập Chỉ thị 152, 153 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với chính quyền. Đảng bộ đã chỉ đạo rà soát và thực hiện kiện toàn các chức danh, phân công đảng viên vào những vị trí quan trọng để tham gia lãnh đạo các đoàn thể nhân dân. Đồng thời Đảng ủy đã xây dựng quy chế làm việc, giao ban với chính quyền và các đoàn thể. Vì vậy, từ lễ lới làm việc, công tác triển khai thực hiện của Đảng đều thống nhất.

Để nâng cao chất lượng của chính quyền, Đảng bộ đã mở các đợt học tập trong năm 1976 để quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết 23 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Nghị quyết 228 của Bộ Chính trị, Chỉ thị 208, 209 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, thực hiện thảo luận bài nói chuyện của đồng chí Lê Duẩn, Trường Chinh về tình hình đất nước và chủ trương của Đảng đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Song song với việc học tập, Đảng bộ cử cán bộ đi học các lớp chuyên môn nghiệp vụ và mở lớp bồi dưỡng lý luận chính trị tại xã đã nâng cao nhận thức và nâng cao trình độ quản lý, tổ chức thực hiện của cán bộ, đảng viên.

Các đoàn thể chính trị xã hội cũng được Đảng bộ chăm lo chỉ đạo, vì vậy trong hoàn cảnh khó khăn vẫn đảm bảo hoạt động có hiệu quả: Mặt trận Tổ quốc xã đã góp phần động viên, giáo dục các tầng lớp nhân dân đẩy mạnh sản xuất, tham gia tích cực trong chiến đấu và phục vụ chiến đấu, xây dựng đời sống mới ở nông thôn. Phong trào “3 giỏi” của phụ lão thu hút hàng ngàn cụ tham gia trồng cây, giúp đỡ gia đình liệt sỹ, gia đình bộ đội, động viên con cháu ra tiền tuyến giết giặc lập công. Đoàn thanh niên mở các đợt sinh hoạt “Sống, chiến đấu, lao động và học tập theo gương Bác Hồ vĩ đại”. Tổ chức, xây dựng các cơ sở đoàn theo tiêu chuẩn “4 tốt”. Phong



Trạm biến thế điện xây dựng 1970

trào “Ba sẵn sàng” thực sự là phong trào sôi nổi nhất đã tập hợp thanh niên hăng hái trong chiến đấu và trong các phong trào đẩy mạnh sản xuất. Phong trào “Ba đảm đang” của phụ nữ phát triển cả bề sâu và bề rộng. Nhiều phụ nữ đảm đang tốt việc hậu phương, đảm đang tốt việc của Đảng, chính quyền giao. Nhiều chị em được kết nạp vào Đảng trong giai đoạn này.

Công tác giáo dục và chăm sóc thiếu niên, nhi đồng được Đảng bộ giao cho Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ tổ chức hoạt động và giáo dục. Đội thiếu niên và Nhi đồng từ năm 1969 – 1975 sinh hoạt nhiều chủ đề thiết thực cùng cha anh góp phần đánh thắng Mỹ. Phong trào thi đua làm nhiều việc tốt; thực hiện 5 điều Bác Hồ dạy; phong trào diệt chuột, trừ sâu, chăn trâu bò béo đã thu hút hầu hết lứa tuổi thiếu niên, nhi đồng tham gia.

Từ năm 1969 đến năm 1975, là chặng đường Đảng bộ và nhân dân Trác Văn tiếp tục thực hiện 2 nhiệm vụ của giai đoạn 1965 – 1968 là vừa sản xuất, vừa chiến đấu. Dưới sự chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương, của Tỉnh uỷ, Huyện uỷ, Đảng bộ đã đoàn kết nhất trí triển khai quán triệt và tổ chức lãnh đạo thực hiện có hiệu quả các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, của Tỉnh uỷ, của Huyện uỷ để lãnh đạo nhân dân vượt qua khó khăn nắm chắc tay cày, tay súng. Kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ sản xuất, thực hiện chiến đấu, phục vụ chiến đấu ngay tại quê hương. Phát động liên tục các phong trào cách mạng và lãnh đạo chính quyền, các đoàn thể nhân dân động viên các tầng lớp nhân dân từ các cháu nhi đồng, thiếu niên đến các cụ phụ lão đều có điều kiện tham gia trực tiếp góp công, góp sức vào sự nghiệp chung của dân tộc.

Tổng kết 10 năm chống Mỹ cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc (1965 – 1975), Đảng bộ và nhân dân xã Trác Văn đã huy động hơn 50 tấn lương thực, thực phẩm cho chiến trường cả nước. 859 người con của xã đã tham gia chiến đấu ở các chiến trường; 46 người tham gia vào lực lượng thanh niên xung phong trực tiếp chiến đấu và phục vụ chiến đấu ở các lĩnh vực khác nhau. 147 người đã anh dũng hy sinh, 93 thương binh, 77 bệnh binh. Với thành tích xuất sắc, Đảng bộ và nhân dân Trác Văn được Quân khu 3 tặng cờ thi đua quyết thắng. Ngày 22/12/1975, trong tổng kết công tác thương binh, liệt sỹ của tỉnh, xã được tặng thưởng Huân chương lao động về thành tích hậu phương quân đội. 780 gia đình được Nhà nước tặng thưởng Huy chương, 120 gia đình được tặng thưởng Huân chương, 151 người được tặng thưởng Huân, Huy chương chống Mỹ các loại.

CHƯƠNG V

ĐẢNG BỘ LÃNH ĐẠO PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ GÓP PHẦN VÀO CÔNG CUỘC BẢO VỆ TỔ QUỐC (1975 - 1985)

I - Đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội và tham gia bảo vệ Tổ quốc (1975 - 1980)

Ngày 30/4/1975, chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng, đất nước độc lập, thống nhất. Cả nước cùng tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Đất nước thống nhất, có những thuận lợi cơ bản để đưa cả nước cùng tiến lên trên con đường chủ nghĩa xã hội đó là: Không khí phấn khởi tràn ngập niềm vui, tinh thần cách mạng trong cuộc kháng chiến gian khổ chống Mỹ tiếp tục được phát huy; về lao động, về đất đai và các nguồn lực tập trung về một mối; về kinh nghiệm xây dựng chủ nghĩa hơn 20 năm ở miền Bắc sẽ là sức mạnh tổng hợp, là bài học để ta vững bước đi lên. Song cũng có những khó khăn thử thách lớn: Hậu quả chiến tranh ở cả 2 miền đang để lại nặng nề; thiên tai liên tiếp gây trở ngại cho sản xuất và đời sống; các thế lực thù địch vẫn âm mưu chống phá ta quyết liệt.

Để thực hiện tốt hai nhiệm vụ chiến lược theo tinh thần Nghị quyết số 24 -NQ/TW, tháng 8 - 1975 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã chỉ rõ nhiệm vụ chiến lược của thời kỳ tiếp theo của cả nước là: “Hoàn thành thống nhất nước nhà, đưa cả nước tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội. Miền Bắc phải tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa”.

Ngày 24/4/1976, cuộc tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung của cả nước diễn ra long trọng, nhân dân đã bầu ra Quốc hội đầu tiên – cơ quan quyền lực cao nhất của nước Việt Nam thống nhất, đổi Quốc hiệu nước ta thành nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Tháng 12/1976, Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ IV được tiến hành tại Thủ đô Hà Nội. Đại hội đã quyết định đường lối phát triển của cả nước trong thời kỳ mới và thông qua Kế hoạch phát triển kinh tế 5 năm (1976 – 1980). Để quán triệt và triển khai tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ IV của Đảng, tại Đại hội lần thứ nhất Đảng bộ tỉnh Hà Nam Ninh đã đề ra nhiệm vụ trọng tâm mà Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh thực hiện là: “Xây dựng kinh tế, trong đó yêu cầu quan trọng và cấp bách là đẩy mạnh phát triển nông nghiệp, trọng tâm là giải quyết tốt vấn đề lương thực, thực phẩm. Hoàn thiện quan hệ sản xuất theo hướng tổ chức lại sản xuất và cải tiến quản lý từ sản xuất”.

Được các nghị quyết của Trung ương, của tỉnh và kế hoạch chỉ đạo của Huyện uỷ, Đảng bộ xã Trác Vân đã ra các nghị quyết chuyên đề về đẩy mạnh sản xuất để ổn định, nâng cao đời sống; về tiếp tục cải tiến quản lý hợp tác xã; về công tác xây dựng tổ chức Đảng.

Thực hiện Chỉ thị số 208 –CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khoá IV) và Nghị quyết số 61/NĐ-CP của Hội đồng Chính phủ về tổ chức lại sản xuất và cải tiến quản lý hợp tác xã nông nghiệp. Để khắc phục tình trạng phân tán ruộng đất, sản xuất không đồng bộ, đưa sản xuất tập trung đi sâu vào chuyên canh, thâm canh; khai thác và sử dụng có hiệu quả tiềm năng của đất đai và lao động. Đảng bộ xã Trác Vân đã chỉ đạo tiến hành hợp nhất hợp tác xã nông nghiệp và tổ chức phân công lại lao động trong hợp tác xã. Hai hợp

tác xã Thăng Lợi và Thành Công được hợp nhất thành 1 hợp tác xã toàn xã lấy tên là hợp tác xã nông nghiệp xã Trác Văn. Qui mô của hợp tác xã nâng lên với 1.823 hộ, 7196 nhân khẩu, có 4367 lao động trực tiếp, trong đó 2675 người là lao động chính. Diện tích canh tác của hợp tác xã khi hợp nhất là 1439 mẫu (511 ha). Song song với việc xử lý tài sản, vốn, quỹ, Đảng uỷ đã chỉ đạo kiện toàn Ban Quản trị hợp tác xã gồm 7 người, do ông Trần Văn Giai làm Chủ nhiệm hợp tác xã. Ban Kiểm soát của hợp tác xã gồm 5 người do ông Trịnh Đình Chúc làm trưởng ban; bộ phận kế toán hợp tác xã 5 người, ông Nguyễn Văn Nuôi làm kế toán trưởng; Bộ phận kế hoạch 5 người, ông Trần Văn Lạng phụ trách; bộ phận định mức 5 người do ông Trần Văn Sử phụ trách.

Hợp tác xã Trác Văn gồm 30 đội sản xuất và các đội chuyên: Đội sản xuất giống do ông Chu Văn Nhi phụ trách gồm 50 lao động; đội tưới tiêu bảo vệ do ông Chu Văn Hưu phụ trách gồm 20 lao động; đội bảo vệ thực vật do ông Đỗ Văn Uý phụ trách gồm 50 lao động; đội thủy lợi (202) gồm 120 lao động và chia làm 2 tổ do ông Lã Văn Nội và ông Phạm Văn Doan phụ trách; đội kiến thiết đồng ruộng là đội cố sở lao động đồng nhất (mang tên đội thủy lợi bán chuyên) gồm 134 lao động và chia thành 3 tổ ở 3 khu vực do các ông Đỗ Văn Long, Nguyễn Chí Tăng, Đào Văn Phương phụ trách.

Về chăn nuôi và ngành nghề cũng được sắp xếp lại lao động cho hợp lý và có hiệu quả hơn khi còn hai hợp tác xã: Duy trì 4 trại chăn nuôi tập thể, ở trại Mạc Liên Hà ông Nguyễn Văn Chàng làm trại trưởng có 31 lao động; trại Thủy Vạn do ông Trịnh Văn Mùi làm trại trưởng có 25 lao động; trại Tường Lăng do bà Nguyễn Thị Lương phụ trách có 35 lao động; Trại Tường Bãi do ông Đặng Văn Lộc phụ trách có 60 lao động. Tổ lấy mát ong có 5 lao động do ông

Phạm Văn Sáng phụ trách. Ngoài ra các lĩnh vực khác cũng được sắp xếp lại cho phù hợp với công việc như: Lầy và nuôi cá giống có 4 tổ, ở Mạc Liên Hà 20 người, Thủy Văn 5 người, Tường Làng 25 người, Tường Bãi 10 người, ở các tổ do ông Nguyễn Văn Tiến, Đỗ Văn Âu, Nguyễn Văn Dương, Nguyễn Văn Thủy phụ trách. Các ngành nghề đang phát triển sẵn có của hai hợp tác xã cũng triển khai kiện toàn để kịp thời phục vụ cho sản xuất và xây dựng cơ sở vật chất cho hợp tác xã. Đội ép mía nấu mật, nấu rượu bố trí 36 lao động có nghề do ông Đặng Văn Tình phụ trách; đội sản xuất vật liệu xây dựng gồm 72 người, do ông Vũ Văn Đồi phụ trách (gồm sản xuất gạch, sản xuất ngói, sản xuất vôi); hai tổ nề do ông Phạm Văn Thước, Nguyễn Văn Hạnh làm tổ trưởng; tổ mộc do ông Nguyễn Văn Mạc làm tổ trưởng. Nghề thêu ren ở Trác Văn mới phát triển phục vụ cho xuất khẩu được đông đảo phụ nữ tham gia cũng được tổ chức thành một đội gồm 124 lao động.

Sau khi kiện toàn xong về tổ chức và lao động, Đảng ủy, Ủy ban nhân dân chỉ đạo các bộ phận xây dựng kế hoạch và duyệt kế hoạch và bắt tay ngay vào các lĩnh vực để sản xuất. Các đội thủy lợi chuyên và bán chuyên căn cứ vào quy hoạch đồng ruộng theo vùng đất, theo cây trồng đã đào đắp hàng ngàn m³ đất làm bờ thửa, bờ vùng, đào mương tưới, tiêu nước, áp trực sửa mương máng cũ đảm bảo cả tưới, tiêu, đảm bảo bờ vùng phục vụ cho xe cải tiến chuyên chở phân và khi thu hoạch lúa.

Được sự giúp đỡ của Công ty giống cây trồng Trung ương và phòng Nông nghiệp huyện, đội chuyên giống đã thực hiện chọn giống, tiếp thu một số giống lúa mới như lúa Nguyên chủng nông nghiệp 8, CR203, Nông nghiệp 22, Nông nghiệp 5 để đưa vào gieo trồng. Các khâu từ kỹ thuật được chú trọng như ngâm ủ mạ, làm đất gieo mạ, làm đất cấy. Tổ tưới tiêu đảm bảo tưới nước và tiêu nước theo đúng lịch.

Tuy nhiên, trong một số năm như vụ chiêm xuân 1975 khi lúa đang làm đồng gặp mưa lớn trên 500 ly hơn một tuần làm ngập úng lúa; vụ chiêm xuân 1976, thời tiết rét đậm kéo dài gây khó khăn cho vụ mùa, nhiều đội sản xuất mạ bị chết. Đảng bộ đã chỉ đạo tập trung lao động, tập trung phương tiện để cứu lúa, tuy không bị mất trắng nhưng năng suất năm 1975 đạt không cao. Năm 1976 do khắc phục tốt khâu gieo mạ đầu vụ gặp khó khăn, nhưng năng suất đạt cao từ 140 – 150 kg/sào. Nhìn chung, sau khi chuyển đổi giống, chuyển vùng của cây lúa thì sản lượng và năng suất luôn ổn định, bình quân 145 kg/sào, diện tích thường xuyên đảm bảo từ 1250 – 1300 mẫu và đạt sản lượng gần 1200 tấn thóc/năm.

Các loại cây trồng khác cũng được chú trọng như cây mía, hầu hết các diện tích đã đưa loại mía đại đường có cây to, cao, chịu thời tiết xấu, độ đường cao vào đại trà và tích cực thâm canh. Diện tích luôn đảm bảo bình quân 450 mẫu và năng suất, sản lượng tăng theo các năm. Năm 1977 đạt 2100 kg/sào, sản lượng 8010 tấn, thì năm 1978, năm 1979 năng suất được nâng lên 2200 kg/sào, sản lượng trên 9000 tấn. Do một số vấn đề vướng mắc về đầu tư cho cây mía, bán sản phẩm cho nhà máy gặp trở ngại nên diện tích những năm 1979 – 1980 giảm chỉ còn trên 300 mẫu nhưng năng suất tăng vọt 2500 kg/sào. Cây khoai lang chiêm trồng trên đất mẫu và đất 1 lúa cũng duy trì đảm bảo bình quân 150 mẫu, có năm như 1978 trồng tới 180 mẫu, nhiều năm đạt năng suất 450 kg/sào.

Do năng suất cây trồng chính ổn định và được mùa, vì thế chăn nuôi ở cả khu vực tập thể và gia đình cũng được ổn định. Đàn lợn bình quân 5 năm đạt 2500 con, sản lượng thịt hơi 120 tấn, sản lượng cá thịt hàng năm thu 25 tấn. Tổ làm cá lấy trứng ở sông Hồng về

uơm thả, hàng năm bán ra trong xã và ngoài địa bàn đạt 120 – 150 vạn con. Chăn nuôi gia cầm như gà, vịt đã phát triển hầu hết ở các hộ gia đình. Với sự duy trì ổn định trong chăn nuôi, hàng năm xã đều hoàn thành nghĩa vụ bán 60 tấn thực phẩm theo giá nghĩa vụ cho Nhà nước.

Sau khi tổ chức lại hoạt động của ngành nghề, thực hiện xây dựng kế hoạch sản xuất, hợp tác xã nông nghiệp vừa chỉ đạo, quản lý và đầu tư. Các tổ nề, mọt, thêu ren đều hoạt động có hiệu quả. Đặc biệt là sản xuất vật liệu phát triển mạnh hơn dự kiến, sản xuất gạch đạt trên 135 vạn viên/năm, ngói đạt 15 vạn viên. Hợp tác xã điều hành và quản lý 120 máy dệt thảm đay xuất khẩu, hàng năm bán hàng vạn m² thảm đay cho công ty ngoại thương huyện. Tổ ép mía hàng năm ép từ 600 – 700 tấn mía đảm bảo mía tiêu thụ kịp thời vụ cho dân ở khu vực Nhà nước và gia công làm tại hợp tác xã.

Thời kỳ năm 1976 – 1980, hợp tác xã nông nghiệp Trác Văn thực hiện chế độ phân phối sản phẩm do xã viên hợp tác xã làm ra theo hình thức định xuất, định lượng. Sau khi thu hoạch sản phẩm được nhập kho, theo quy định thì sau khi thu hoạch sản phẩm được phân chia như sau: 35% sản lượng lương thực quy thóc nộp cho Nhà nước, từ 30 – 35% đưa vào quỹ hợp tác xã³⁴, từ 33 – 35% sản phẩm đem phân phối cho xã viên. Hợp tác xã nông nghiệp xây dựng phương án, sau khi được Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt mới được thực hiện. Người lao động và các khẩu ăn theo được quy định thành định xuất do đội sản xuất bình xét: lao động nặng nhọc, độc hại được hưởng

³⁴ Bao gồm quỹ chăn nuôi, quỹ thu lợi, quỹ xây dựng cơ bản, quỹ nghĩa thương, quỹ xã hội.

từ 1,2 – 1,7 định xuất; lao động phổ thông hưởng từ 1 – 1,2 định xuất; trẻ em dưới 13 tuổi được tính bằng 0,5 định xuất. Những năm được mùa thường mỗi định xuất hưởng từ 16 – 18 kg lương thực quy thóc/tháng, những năm khó khăn hưởng từ 8 – 10kg/tháng.

Việc thanh toán công điểm với từng hộ xã viên theo giá trị của lương thực quy thóc. Mỗi công thường từ 0,8 – 1,2 kg (giá trị bằng tiền là 7hào). Tiền ngày công được đối trừ vào định xuất được hưởng, nếu thừa thì được nhận về, thiếu thì xã viên hợp tác xã phải nộp thêm. Những hộ neo đơn, ốm đau thì được bán theo tỷ lệ phần trăm số lương thực thiếu. Các đối tượng như gia đình liệt sỹ, thương binh, bộ đội (đối tượng 1) được bán đủ 100%; cán bộ chủ chốt xã, hợp tác xã, cán bộ chuyên môn được bán từ 80 – 90%; những hộ tích cực nhưng do ốm đau bệnh tật, hộ neo đơn được bán 60 – 70%.

Sản xuất của hợp tác xã vẫn giữ mức ổn định, nhưng do phương thức phân phối sản phẩm, định mức công điểm (mỗi ngày công 10 điểm) đã dẫn đến tình trạng dong công phóng điểm. Người lao động đi làm tập trung theo hiệu lệnh kèng để được chấm công ghi điểm ít quan tâm đến hiệu quả của sản xuất. Một số hiện tượng tiêu cực đã nảy sinh: Đội trưởng, thư ký đội tham ô công điểm, cán bộ đội giao cho người nhà đi làm việc nhẹ nhàng nhưng điểm lại cao. Một số đội sản xuất khi thu hoạch lúa về, tuốt lúa dối, dấu thóc vào rơm để chia cho xã viên; phơi thóc thí điểm tỷ lệ hao hụt cao, từ 15 – 20%, thậm chí có nơi đến 25%; tiềm năng lao động và đất đai chưa được khai thác. Các biện pháp thâm canh, xen canh, gối vụ chưa thực hiện tốt, việc quy hoạch cải tạo đồng ruộng diễn ra chậm.

Nhận thức được những khó khăn, tồn tại trên, Đảng bộ đã nhanh chóng triển khai thực hiện Thông báo số 22 –TB/TW của Ban

Chấp hành Trung ương Đảng về việc khoán trong nông nghiệp. Theo Thông báo số 22 và Hướng dẫn của Huyện uỷ Duy Tiên thì việc thực hiện khoán phải đảm bảo đúng nguyên tắc theo định hướng xã hội chủ nghĩa để kích thích sản xuất, khuyến khích những lao động giỏi và thực hiện khoán dưới 2 hình thức, khoán sản phẩm và khoán việc: Sau khi cấy lúa, trồng màu, các đội giao khoán cho xã viên các khâu chăm sóc như làm cỏ, vun gốc, tưới tiêu, bón phân. Công điểm được trả theo phiếu khoán việc hoặc qua nghiệm thu công việc. Lao động của xã viên có thể sử dụng nhiều thời gian lao động khác nhau và lao động phụ. Rõ ràng, việc khoán sản phẩm tạo cho người lao động quyền chủ động hơn, lợi nhuận trong thu nhập nhiều hơn. Từ vụ đông xuân năm 1979 – 1980, hợp tác xã đã mạnh dạn cho một số hộ nhận diện tích khoán để cấy lúa với mức giao 180 kg thóc/sào/năm, nếu xã viên tích cực thâm canh vượt khoán, thì phần vượt được hưởng 100%. Kết quả là hầu hết các hộ thu hoạch đều đạt từ 150 – 160 kg/sào/vụ. Từ việc khoán này đã tạo ra không khí phấn khởi, hồ hởi và trực tiếp quan tâm đến sản xuất, tránh được tiêu cực khâu trung gian. Hợp tác xã đã quán triệt đến các đội sản xuất, các đội chuyên như chăn nuôi, ngành nghề, thuỷ lợi cũng tiến hành khoán theo sản phẩm và theo công việc.

Trong lĩnh vực giáo dục, văn hoá, y tế tuy có gặp khó khăn do kinh tế phát triển chậm, ảnh hưởng đến việc đầu tư, nhưng nhìn chung vẫn được duy trì, nhiều mặt của phong trào vẫn phát triển. Ngành giáo dục đã vận động nhân dân đóng góp kinh phí, tre, gỗ, chuyển các lớp học từ nơi sơ tán về trung tâm và đảm bảo đủ lớp học cho học sinh. Xã Trác Văn năm 1976, bình quân cứ 25 người có một người đi học, 98% học sinh trong độ tuổi đến trường, con em liệt sỹ, thương binh, bộ đội vẫn được ưu tiên giải quyết các chế độ về lương thực, thực phẩm để đảm bảo học tập. Trường cấp II đã được nâng

cấp xây bằng nhà cấp 4 lợp ngói. Hai khu trường cấp IA, IB cũng được sửa chữa, tu bổ đảm bảo vững chắc trong mùa mưa bão. Thực hiện Nghị quyết số 03 –NQ/TU của Tỉnh uỷ Hà Nam Ninh về cải cách giáo dục, phong trào thi đua “hai tốt” được các ngành học phát động sôi nổi. Tỷ lệ thi tốt nghiệp cuối khoá đạt 98%. Các lớp bổ túc cho những người vừa học, vừa làm vẫn duy trì, ở Trác Văn có 90% cán bộ chủ chốt từ đội trưởng trở lên đã học xong lớp 7. Trường phổ thông cấp IB Trác Văn trong các năm từ 1976 – 1980 đều đạt danh hiệu nhận lá cờ đầu ngành giáo dục tỉnh. Giáo viên của trường được công nhận là tổ đội lao động xã hội chủ nghĩa.

Công tác văn hoá, thông tin, đài truyền thanh được củng cố. Đài truyền thanh góp phần vào việc tuyên truyền chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; tuyên truyền xây dựng nếp sống mới, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa. Đồng thời phê phán những biểu hiện tiêu cực, các hủ tục lạc hậu. Công tác y tế tiếp tục có chuyển biến, việc khám chữa bệnh được duy trì bằng phương pháp Đông, Tây y kết hợp. Trạm y tế đã tuyên truyền, phổ biến cho nhân dân trồng và sử dụng cây thuốc nam chữa bệnh thông thường. Cùng với việc khám chữa bệnh, công tác vệ sinh phòng bệnh được đẩy mạnh, nhiều năm liền ở xã không có dịch bệnh xảy ra. Công tác dân số kế hoạch hoá gia đình được tuyên truyền sâu rộng bằng nhiều hình thức. Năm 1980, tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên của xã giữ mức ổn định 1,8%. Trạm y tế xã Trác Văn luôn giữ vững là lá cờ đầu của huyện Duy Tiên.

Trong lúc nhân dân xã Trác Văn cùng nhân dân cả nước đang thi đua lao động sản xuất, đồng thời khắc phục những hậu quả do chiến tranh mà đế quốc Mỹ đã gây ra thì ở biên giới phía Bắc của Tổ quốc lại bị kẻ thù xâm phạm. Thực hiện Chỉ thị số 67 –CT/TW,

ngày 01/3/1979 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về phát động toàn dân chuẩn bị mọi mặt sẵn sàng chiến đấu, lời kêu gọi của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Lệnh tổng động viên của Chủ tịch nước ngày 05/3/1979; triển khai Nghị quyết số 20, 21 của Tỉnh ủy về công tác an ninh, trật tự an toàn xã hội và động viên cán bộ, đảng viên, nhân dân của tỉnh sẵn sàng lên đường bảo vệ biên giới của Tổ quốc. Đảng bộ đã quyết định thành lập 1 đại đội tự vệ mạnh và huấn luyện để sẵn sàng chi viện cho tiền tuyến khi cần thiết, đồng thời thực hiện tuyên truyền, giáo dục cho nhân dân hiểu rõ âm mưu, thủ đoạn của thế lực thù địch. Nhiệm vụ chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu được đặt lên hàng đầu. Phương án tác chiến bảo vệ làng xóm được đại đội cơ động chiến đấu và các trung đội tự vệ ở các thôn diễn tập. Với quân số tự vệ hơn 500 người chiếm 8% dân số, trong đó tỷ lệ đảng viên trong lực lượng chiếm trên 20%. Năm 1978 – 1979, toàn xã đã có 75 thanh niên nhập ngũ và tái ngũ; ngoài ra còn có 31 cán bộ, đảng viên và thanh niên do đồng chí Chu Văn Huyền, Chu Văn Nhi là Đảng ủy viên dẫn đầu lên tham gia sản xuất tại Nông trường Bảo Yên tỉnh Hoàng Liên Sơn và là lực lượng chi viện và chiến đấu tại chỗ khi quân thù đến xâm lược. Khi chiến tranh xảy ra ác liệt tại biên giới phía Bắc, biên giới Tây Nam, Đảng ủy đã chỉ đạo huy động trên 1000 kg lợn hơi và trên 2000 kg lương thực cho bộ đội và dân quân ở biên giới. Thời gian này khí thế tổng quân để bảo vệ Tổ quốc đã trở thành phong trào lực lượng thanh niên, nhiều thanh niên và các đồng chí đã qua chiến đấu trở về sau năm 1975 lại viết đơn tình nguyện trở lại chiến đấu.

Từ năm 1976 đến năm 1980, Đảng bộ xã Trác Văn tiến hành 2 kỳ Đại hội Đảng bộ. Tháng 5/1976, diễn ra đại hội Đảng bộ lần thứ XII, Đại hội đã bầu 15 đồng chí vào Ban Chấp hành Đảng bộ.



Trụ sở Đảng ủy - HĐND - Ủy ban nhân dân xã xây dựng 1979



Trụ sở Đảng ủy - HĐND - Ủy ban nhân dân xã xây dựng năm 2001

Đồng chí Trịnh Đức Thành được bầu lại làm Bí thư Đảng uỷ xã, đồng chí Chu Văn Sở – phó Bí thư làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã. Đại hội lần thứ XIII được tiến hành ngày 30/4/1979, Đại hội đã đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết của các năm 1977 – 1979, rút ra những bài học kinh nghiệm trong chỉ đạo và đề ra phương hướng nhiệm vụ của thời kỳ 1979 – 1981. Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ gồm 15 đồng chí (trong đó có 2 đồng chí uỷ viên dự khuyết). Đồng chí Trịnh Đức Thành được bầu làm Bí thư Đảng uỷ xã, đồng chí Chu Văn Sở - phó Bí thư và được phân công phụ trách chính quyền làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng của Đảng được Đảng bộ chú trọng. Qua việc triển khai học tập nghị quyết đại hội Đảng các cấp, các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá IV), của Tỉnh uỷ, Huyện uỷ, Nhận thức của cán bộ, đảng viên về chủ nghĩa Mác- Lênin, về ý thức tự lực, tự cường, vượt khó được nâng lên. Tư tưởng ỷ lại, ngại khó, bảo thủ, tề tham ô, quan liêu bị đẩy lùi một bước. Công tác tổ chức của Đảng được kiện toàn, công tác kiểm tra được chú trọng đẩy mạnh. Việc phát triển đảng viên mới đã có nhiều cố gắng, trong 5 năm Đảng bộ đã kết nạp được 18 đoàn viên ưu tú vào Đảng.

Thực hiện Chỉ thị số 83 –CT/TW, ngày 26/11/1979 của Ban Bí thư Trung ương Đảng; Chỉ thị số 37 –CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về phát triển Đảng. Đảng bộ đã tổ chức cho các chi bộ học tập, thực hiện kiểm điểm, phân loại. Đến cuối năm 1980, công tác phát triển đảng viên của Đảng bộ đã hoàn thành. Số đảng viên của Đảng bộ có 251 đồng chí, qua kiểm điểm, phân tích, đánh giá chất lượng đủ tư cách 204 đồng chí, đảng viên phấn đấu có những mặt còn hạn chế 47 đồng chí. Trong 5 năm (1976 – 1980) qua các lần

thực hiện kiểm tra đã xử lý xóa tên 2 đồng chí trong danh sách đảng viên, 2 đồng chí khai trừ lưu Đảng, 12 đảng viên xử lý kỷ luật cảnh cáo, 14 đảng viên bị kỷ luật khiển trách.

Công tác chính quyền và các đoàn thể nhân dân cũng được Đảng bộ chỉ đạo hoạt động chặt chẽ, đều đặn, phục vụ và triển khai kịp thời các phong trào, trọng tâm vẫn là phát triển lương thực, thực phẩm. Mọi quan hệ giữa Đảng uỷ với việc tổ chức của Uỷ ban nhân dân, của hợp tác xã nông nghiệp; giữa chi uỷ, chi bộ với đội sản xuất, và các đội chuyên trong hợp tác xã nông nghiệp luôn được thống nhất. Các đồng chí là chủ chốt trong Uỷ ban nhân dân, Ban quản trị hợp tác xã, các đội sản xuất và đội chuyên đều là đảng viên do cấp uỷ phân công nhiệm vụ. Chức năng nhiệm vụ của Uỷ ban nhân dân, của hợp tác xã nông nghiệp, của các đội chuyên được phân công trách nhiệm cụ thể đã tránh được tình trạng bao biện, làm thay hoặc buông lỏng quản lý lãnh đạo.

Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh được Đảng trực tiếp điều dắt luôn là nòng cốt trong phong trào “ba xung kích làm chủ tập thể”. Các đội chuyên như: Thuỷ lợi 202, đội giống, đội bảo vệ thực vật; trong phong trào làm bèo hoa dâu, làm phân xanh, thực hiện áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, đoàn thanh niên là những người luôn đi đầu. Từ năm 1976 – 1980 tổ chức đoàn luôn kiện toàn, đoàn đã tổ chức kết nạp 125 thanh niên vào tổ chức Đoàn và giới thiệu nhiều đoàn viên cho Đảng bồi dưỡng, kết nạp vào Đảng. Đoàn thanh niên còn là những người trực tiếp điều dắt và tổ chức hoạt động cho thiếu niên nhi đồng tham gia vào các hoạt động sản xuất, hoạt động tình nghĩa.

Hội phụ nữ có 1500 hội viên, Hội đã tập trung triển khai Nghị quyết số 20 của Trung ương Hội và thực hiện phong trào “Người

phụ nữ mới xây dựng Tổ quốc” do Trung ương Hội phát động tháng 3 năm 1978. Hầu hết hội viên tình nguyện làm thêm giờ, nhiều chị em cấy được năng suất 1,8 sào/ngày. Các chi hội đều sôi nổi thực hiện thi đua sản xuất, tiết kiệm, sẵn sàng chiến đấu và động viên chồng con lên đường chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Hội là nòng cốt trong việc thực hiện chính sách hậu phương quân đội, xây dựng nếp sống văn minh, gia đình hạnh phúc.

Hội Nông dân tập thể đã tích cực vận động hội viên trong phong trào thi đua lao động sản xuất, đưa khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp. Các hội viên là nòng cốt trong cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch, thực hiện không sinh con thứ 3. Hội đã tham mưu cho chính quyền, hợp tác xã phạt 100 kg thóc người vi phạm sinh con thứ 3, phạt 150 kg thóc với người sinh con thứ 4. Hàng năm, bình bầu, Hội phụ nữ. Hội nông dân đều có trên 80% hội viên đạt danh hiệu tiên tiến.

Tuy nhiên, trong công tác xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền và chỉ đạo hoạt động của các đoàn thể nhân dân vẫn bộc lộ những thiếu sót, làm hạn chế đến kết quả thực hiện các mục tiêu và nhiệm vụ trọng tâm do các kỳ đại hội đề ra, đó là: Công tác tư tưởng, công tác vận động và triển khai cụ thể chưa chuyển biến kịp thời với tình hình thực tiễn. Một số cấp ủy cơ sở thiếu đấu tranh kiên quyết, chậm phê phán những nhận thức trái với chủ trương, đường lối; cơ cấu tổ chức của Đảng chưa đáp ứng nhiệm vụ cách mạng, có nơi còn mất đoàn kết, cán bộ, đảng viên chưa gương mẫu; quản lý kinh tế, xã hội có nơi còn lỏng lẻo để tiêu cực phát sinh...

Nam nam (1976 – 1980), triển khai thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ 2 của Đảng. Trong điều kiện gặp nhiều khó khăn về thiên tai, về cơ chế lãnh đạo ở một Đảng bộ lớn, hợp tác xã toàn xã;

cơ sở vật chất đã được xây dựng nhưng còn quá sơ sài chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển của sản xuất, đời sống; kẻ thù lại luôn rình rập phá hoại và xâm phạm biên giới. Nhưng với truyền thống kiên cường, Đảng bộ và nhân dân Trác Văn đã chung sức, chung lòng không ngừng chuyển đổi các hoạt động trong sản xuất, tăng cường công tác giáo dục, công tác tuyên truyền, vận động đã khắc phục dần những khó khăn để đến cuối kỳ của kế hoạch, nhiệm vụ của sản xuất và đời sống của nhân dân ngày càng ổn định và nâng cao. Thành tích chưa tương xứng với nhiệm vụ đề ra nhưng giai đoạn này để lại những bài học góp phần khắc phục những yếu kém còn tồn tại để lãnh đạo nhân dân sẽ tiến xa hơn ở những giai đoạn tiếp theo.

II - Đổi mới cơ chế quản lý trong nông nghiệp, thực hiện kế hoạch 5 năm (1981 – 1985)

Bước vào thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 1981 – 1985, Đảng bộ xã Trác Văn cũng nằm trong những khó khăn chung của đất nước: Khủng hoảng kinh tế đang diễn ra trầm trọng và kéo dài, lạm phát gia tăng; các thế lực thù địch tiếp tục bao vây, cấm vận, chống phá ta nhiều mặt bằng chiến lược “Diễn biến hoà bình”.

Nhằm tháo gỡ những khó khăn của nền kinh tế, trên cơ sở rút kinh nghiệm việc khoán sản phẩm ở một số địa phương như Vĩnh Phú, Hải Phòng, đồng thời khắc phục những nhược điểm của công tác “Ba khoán” trong nông nghiệp. Ngày 13/01/1981, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị số 100 – CT/TW về “cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp”.

Tháng 3/1982, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng họp tại Thủ đô Hà Nội, đại hội đã đề ra nhiệm vụ trọng tâm là: “Trong 5 năm (1981 – 1985) và những năm 80 của thế kỷ XX cần

tập trung phát triển mạnh nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, đưa nông nghiệp lên một bước sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, ra sức đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng và tiếp tục xây dựng một số ngành công nghiệp nặng quan trọng; kết hợp nông nghiệp, công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp nặng trong cơ cấu công – nông nghiệp hợp lý”³⁵.

Quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V: Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ hai; Đại hội Đảng bộ huyện Duy Tiên lần thứ XV (11/1982) và chỉ thị số 100 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Đảng bộ xã Trác Văn đã nhanh chóng xây dựng kế hoạch triển khai. Nội dung của Chỉ thị 100 của Ban Bí thư được quán triệt, tổ chức học tập trong Đảng bộ, các tổ chức nhân dân và tại các đội sản xuất.

Khoản sản phẩm theo Chỉ thị 100 đã có tác dụng tác động vào cơ chế quản lý của Trác Văn trên 2 mặt: Chức năng quản lý của hợp tác xã được tập trung vào các hoạt động có tính chất kỹ thuật, chuyên sâu mà từng hộ xã viên khó thực hiện được như: Làm đất, thủy lợi, giống, bảo vệ thực vật, phân bón... xã viên thì hoàn toàn tự chủ trong khâu gieo trồng, chăm sóc đến thu hoạch; phân thu chỉ thực hiện trong khoán, phần vượt khoán người lao động hưởng toàn bộ khối lượng sản phẩm vượt định mức. Ngoài việc thực hiện khoán đến nhóm và người lao động thì Nhà nước có chính sách hỗ trợ đầu tư để hợp tác xã phát triển công trình điện, trạm bơm, thủy lợi... và hỗ trợ cung ứng giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật. Đồng thời, ban hành chính sách ổn định giao nộp nghĩa vụ lương

³⁵ Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V – NXB Sự thật Hà Nội năm 1981, tập 1.

thực trong 5 năm, nâng giá thu mua nông sản, xoá bỏ việc bán lương thực, thực phẩm nghĩa vụ giá thấp.

Sau học tập, Đảng bộ cho chỉ đạo làm thí điểm khoán thử và nhân ra diện rộng. Khoán theo Chỉ thị 100 đã được cán bộ, xã viên phấn khởi đón nhận, vì theo “3 khoán” thì vai trò của kinh tế hộ gia đình chưa được thừa nhận, với hình thức khoán mới, tuy chỉ mới một số khâu nhưng hộ gia đình xã viên được coi như đơn vị kinh tế tự chủ đã khuyến khích xã viên đầu tư, chủ động chăm bón, thâm canh tăng năng suất vật nuôi, cây trồng.

Bước vào vụ chiêm xuân năm 1981, thời tiết gặp không ít khó khăn, nguồn nguyên liệu, vật tư cho nông nghiệp khan hiếm. Nhưng với quyết tâm của Đảng bộ, ngay từ những năm đầu thực hiện kế hoạch (1981 - 1985) và rút kinh nghiệm hoạt động và chỉ đạo sản xuất của những năm sau. Diện tích trồng lúa và hoa mầu luôn giữ được ổn định: Cây lúa đạt gần 600 mẫu vụ chiêm, vụ mùa gần 800 mẫu bằng 110% kế hoạch, cây khoai lang đạt trung bình khoai mùa 53 mẫu, đạt 105,5% kế hoạch, cây mía đạt 415 mẫu bằng 106,5% kế hoạch. Năng suất lúa bình quân đạt 130 kg/sào, bằng 105% kế hoạch, có hộ gia đình nhận khoán do đầu tư và thâm canh tốt đã đạt 180 kg/sào tăng 60 kg so với định mức giao khoán. Cây khoai lang năng suất năm 1981 đạt 200 kg/sào thì đến năm 1985 đạt 300 kg/sào, cây mía năm 1981 bắt đầu khoán đạt 1800 kg/sào, đến năm 1985 đã đạt 1900 kg/sào.

Cùng với sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi cũng được lên phương án khoán theo chỉ thị 100 tại các trại chăn nuôi tập thể. Đặc biệt khi thu hoạch lúa, khoai ổn định và nhiều hộ vượt khoán, việc chăn nuôi từng hộ gia đình phát triển khá mạnh để tận dụng nguồn phân cho thâm canh và thu nhập từ sản phẩm chăn nuôi. Đàn trâu bò bình quân hàng năm trong toàn xã đạt 237 con (trong đó 105 con trâu, 132 con bò).

Tổng đàn lợn đạt 2500 con, phong trào vớt, ươm, nuôi cá giống ở sông Hồng vẫn giữ vững và có xu hướng phát triển mở rộng. Nhìn chung chăn nuôi từ năm 1981 – 1985 trong hai khu vực tập thể và cá nhân hộ gia đình thì ở các hộ gia đình phát triển khá mạnh, có một số gia đình đã đưa lợn lai kinh tế, gà công nghiệp vào chăn nuôi, khu vực tập thể tuy có khoán nhưng vẫn gặp khó khăn, đang chững lại, hiệu quả không cao.

Thực hiện Quyết định số 201 /QĐ-HĐBT và Quyết định số 29 /QĐ-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng về công tác quản lý ruộng đất. Đảng bộ đã lãnh đạo Ủy ban nhân dân, hợp tác xã nông nghiệp thực hiện thống kê, phân hạng đất và tiến hành quy hoạch để xây dựng trồng theo vùng. Xử lý những hộ vi phạm thu hồi đất cho hợp tác xã.

Phong trào trồng cây do Bác Hồ Phát động vẫn được Đảng bộ chỉ đạo và giao cho các đoàn thể triển khai. Toàn bộ đường đi, bờ vùng, bờ máng to đều được trồng cây lấy gỗ và cả cây ăn quả. Hợp tác xã nông nghiệp vẫn duy trì 4 vườn cây tập trung, lao động chủ yếu là các cụ già. Các vườn cây đã bán hàng chục tấn quả và ươm cây con bán cho xã viên hợp tác xã để cải tạo vườn cây trên đất vườn nhà.

Tháng 3/1982, Đảng bộ tiến hành Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ XIV, nhiệm kỳ 1982 – 1984. Đại hội đã đánh giá kết quả nhiệm kỳ lần thứ XIII, đặc biệt là tổng kết bước đầu hơn một năm thực hiện Chỉ thị 100 của Ban Bí thư Trung ương Đảng. Đại hội đề ra phương hướng tổng quát là: Tăng cường đoàn kết toàn Đảng bộ, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Tiến hành đồng thời 3 cuộc cách mạng, trong đó cách mạng khoa học kỹ thuật là then chốt. Nêu cao tinh thần tự lực, tự cường, tận dụng đất đai, khai thác mọi nguồn lực lao động, xây dựng kinh tế, phát triển văn

hoá. Tập trung lãnh đạo đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa...phần đầu giữ vững danh hiệu Đảng bộ trong sạch vững mạnh. Đại hội đã bầu 15 đồng chí vào Ban Chấp hành Đảng bộ nhiệm kỳ 1982 – 1984. Đồng chí Chu Văn Thuyết được bầu làm Bí thư Đảng uỷ, đồng chí Trần Văn Tường làm phó Bí thư. Đồng chí Trịnh Đức Thành phó Bí thư được phân công phụ trách chính quyền làm Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã.

Tháng 5/1983, tại Đại hội xã viên hợp tác xã nông nghiệp, đã đánh giá những mặt mạnh, mặt yếu trong hơn 2 năm thực hiện Chỉ thị 100 của Ban Bí thư Trung ương Đảng: Thời gian đầu thuận lợi, cán bộ nhận vượt khoán cao, đời sống ổn định, chăn nuôi và ngành nghề như sản xuất gạch, ngói, dệt thảm đay, nấu mật, thêu ren cũng phát triển. Nhưng sau một số năm, do tình hình đất nước cũng khó khăn, đặc biệt là thời tiết không ủng hộ, mùa bị gió bão đổ, năm 1985 nước mưa ngập kéo dài úng trên diện rộng, một số diện tích còn lại thu hoạch năng suất thấp không đủ mức giao khoán cho hợp tác xã. Một nguyên nhân chủ quan để dẫn tới khó khăn là việc xây dựng kế hoạch của hợp tác xã lúng túng, sản lượng giao khoán cao không sát thực tế, có chỗ bị mất trắng, hoặc mất tới 70%, hợp tác xã vẫn ghi thu khoán 100%. Mặt khác, 5 khâu như làm đất, bảo vệ thực vật, thủy lợi, thủy nông và giống cũng chưa đáp ứng yêu cầu cho việc thâm canh tăng năng suất lúa. Tình hình trên đã dẫn đến cuối năm 1985 kê đọng sản phẩm giao nộp tới 7 tấn thóc, có đội kê đọng 15 – 20 tấn thóc/vụ.

Để khắc phục khó khăn trên, Đảng bộ đã lãnh đạo kiểm tra lại việc giao khoán, việc đôn đốc quản lý và đặc biệt chú trọng đến 5 khâu do hợp tác xã đảm nhiệm. Sau khi khắc phục những tồn tại, khí thế lao động sản xuất lại sôi nổi hẳn lên, xã viên đã gắn bó thực sự

với đồng ruộng được giao. 5 khâu do hợp tác xã đảm nhiệm đã được gắn chặt với từng hộ nhận khoán. Từ việc làm đất, ngâm ủ giống, chế biến phân những người dân nhận ruộng trực tiếp tham gia. Một số giống mới như C37, Trần châu lùn, CR203 được đưa vào gieo cấy ở vụ chiêm xuân; nông nghiệp 8, nông nghiệp 23 được cấy trong vụ mùa. Việc tưới tiêu, phòng trừ sâu bệnh, làm cỏ sục bùn và bón phân được các hộ xã viên làm đúng hướng dẫn với từng loại lúa. Kết quả, sau năm 1982, năng suất lúa tăng mạnh, năm 1983 đạt 180 kg/sào, năm 1984 đạt 190 kg/sào, có gia đình đạt từ 200 – 210 kg/sào.

Cùng với việc chấn chỉnh lại khoán trong trồng trọt lúa, mía, khoai, công tác khoán, quản cũng được đánh giá và quản lý cho phù hợp ở chăn nuôi lợn, cá và ngành nghề. Các lĩnh vực này cũng giữ ở mức ổn định và phát triển.

Hợp tác xã mua bán, hợp tác xã tín dụng vẫn được kiện toàn và hoạt động đều đặn. Hợp tác xã mua bán đã tiếp nhận những mặt hàng của huyện và bán cho dân như: Vải, dầu hoả, mắm, muối, xà phòng, đồng thời giúp hợp tác xã nông nghiệp tiêu thụ sản phẩm trồng trọt và của tổ sản xuất ngành nghề. Hợp tác xã tín dụng nhận tiền quỹ nhàn rỗi và cho hợp tác xã vay mua trâu, bò, mua sắm nông cụ, cho hợp tác xã mua bán vay vốn để kinh doanh. Tuy nhiên, hoạt động của hợp tác xã mua bán và hợp tác xã tín dụng trong giai đoạn 1981 – 1985, đặc biệt là cuối năm 1985 gặp nhiều khó khăn, do hợp tác xã không chủ động khai thác hàng, vốn vay thiếu, dẫn đến tình trạng thụt quỹ, nợ vốn. Hợp tác xã tín dụng ngoài vốn tiền gửi cũng thấp dần, việc cho vay khó khăn và vốn đã cho vay thu hồi cũng đọng lại, vì vậy cũng trong tình trạng hoạt động cầm chừng.

Mặc dù phải đối mặt với những khó khăn về kinh tế, nhưng sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hoá xã hội vẫn tiếp tục được Đảng bộ

quan tâm và tạo cho việc duy trì và phát triển. Các nhà trẻ và hai khu trường cấp IA, IB đã được xây dựng lại, bổ sung bàn ghế và thiết bị dạy học, trường cấp 2 được xây tường gạch và lợp ngói toàn bộ các khu như lớp học, khu giáo viên ở, khu nhà thí nghiệm. Các năm học từ 1981 – 1985, cấp I có 11 lớp, học sinh cấp II có 7 lớp. Chất lượng dạy và học được nâng lên, kết quả thi cuối cấp, cấp I đạt 98,5% , cấp II đạt 99,5%. Ngành học mầm non và bổ túc văn hoá vẫn giữ danh hiệu là lá cờ đầu của huyện. Trạm y tế được xây dựng vững chắc, có phòng khám chữa bệnh, phòng cho sản phụ và đầy đủ các công trình như vệ sinh, nước, bếp phục vụ người bệnh. Tại trạm đã điều trị kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại. Ngoài chữa bệnh, trạm duy trì mạng lưới y tế thôn làm tốt chức năng phòng bệnh, thực hiện vận động ăn sạch, ở sạch, uống sạch. Tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên của xã đã giảm từ gần 3% năm 1982 xuống còn 1,99% năm 1985.

Công tác văn hoá – xã hội cũng được quan tâm, kiện toàn. Ban văn hoá thông tin được củng cố và hoạt động đều đặn. Đài truyền thanh xã thực hiện tiếp âm và tuyên truyền ngày 3 buổi, những ngày lễ, tết, kỷ niệm của đất nước đều có chuyên đề để tuyên truyền. Ngoài ra đài còn tích cực phát tin nội bộ cổ vũ phong trào xây dựng nếp sống văn hoá khu dân cư, phong trào mua công trái xây dựng Tổ quốc và thực hiện phổ biến khoa học kỹ thuật gieo trồng chăm sóc lúa, hoa mầu. Các thôn đều có đội văn nghệ hoạt động và tập luyện, xã tổ chức cho các thôn biểu diễn, thi văn nghệ các thôn về đề tài chống tác hại của các tệ nạn xã hội. Một số thôn có phong trào mạnh là Tường Thụy, Văn Bút, Hoà Mạc.

Tuy điều kiện ngân sách xã còn khó khăn, nhưng giải quyết các chính sách xã hội và chấp hành đường lối của Đảng về các vấn đề xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng vẫn được chú trọng và đầu

tư. Các gia đình thương binh, liệt sỹ, già cả neo đơn vẫn được ưu tiên giải quyết đảm bảo được mua lương thực điều hoà theo giá quy định. Công tác huấn luyện dân quân tự vệ, lực lượng an ninh xã vẫn đảm bảo theo kế hoạch của huyện, những vấn đề xảy ra ở các thôn xóm đều được hai lực lượng này phối hợp giải quyết, đảm bảo trật tự xã hội, nhân dân yên tâm sản xuất. Các đợt khám tuyển nghĩa vụ đều đảm bảo 100% kế hoạch, các đợt giao quân đều hoàn thành và vượt chỉ tiêu kế hoạch trên giao.

Tiếp tục thực hiện Thông báo số 74-TB/TW và chỉ thị số 79-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khoá V) về công tác tự phê bình và phê bình trong Đảng, công tác xây dựng Đảng đã được triển khai toàn diện và kịp thời cả về chính trị, tư tưởng, tổ chức và công tác kiểm tra theo Chỉ thị 34-CT/TW. Từ năm 1981 - 1985, Đảng bộ đã tổ chức nhiều đợt sinh hoạt, nhiều hội nghị quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của cấp trên, đặc biệt là các nghị quyết chuyên đề về nông nghiệp được tuyên truyền, tổ chức thảo luận sâu rộng trong các tầng lớp dân cư. Cuộc vận động xây dựng chi bộ, Đảng bộ trong sạch vững mạnh đã được Đảng bộ chỉ đạo gắn liền với sản xuất, đời sống và phát triển xã hội, gắn liền với việc phân công nhiệm vụ cho cán bộ, đảng viên.

Tháng 9/1984, Đại hội đại biểu lần thứ XV Đảng bộ xã Trác Văn được tổ chức. Đại hội đã đánh giá kết quả lãnh đạo thực hiện các mặt của nhiệm kỳ đại hội lần thứ XIV và đề ra giải pháp cấp bách hoàn thành kế hoạch năm 1985 là năm cuối cùng của kế hoạch 5 năm. Đại hội đã bầu 15 đồng chí vào Ban Chấp hành Đảng bộ, đồng chí Chu Văn Thuyết được bầu làm Bí thư Đảng uỷ xã, đồng chí Trương Ngọc Quế làm phó Bí thư. Sau đại hội, Uỷ ban nhân dân cũng được kiện toàn các chức danh. Đồng chí Trịnh Đức Thành làm Chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã.

Việc bồi dưỡng và nâng cao chất lượng cán bộ, đảng viên được chú trọng. Đảng bộ đã mở lớp bồi dưỡng cho cấp uỷ tại xã và lựa chọn những đoàn viên ưu tú, cử cán bộ đương chức hàng năm đi tập huấn, học tập bồi dưỡng theo chuyên ngành và nghiệp vụ công tác phát triển Đảng, 5 năm (1981 – 1985), Đảng bộ đã kết nạp được 6 quần chúng vào Đảng.

Thông qua các cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân và cuộc vận động xây dựng chính quyền vững mạnh. Bộ máy chính quyền xã tiếp tục được củng cố. Phương thức hoạt động và lề lối làm việc bước đầu được cải tiến. Việc phân công quản lý từng lĩnh vực cho các thành viên được cụ thể đã tạo ra sự chủ động tích cực trong việc triển khai các chỉ thị, nghị quyết của Đảng và tổ chức tốt việc quản lý Nhà nước trên địa bàn xã.

Bên cạnh những chuyển biến tích cực, trong công tác xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền cũng bộc lộ những tồn tại như: Công tác giáo dục chính trị tư tưởng chưa được thường xuyên, tính chiến đấu trong phê bình và tự phê bình ở một số đảng viên chưa cao. Công tác Đảng và công tác chính quyền có lúc, có nơi chưa gắn kết việc chỉ đạo và triển khai, việc đầu tư và xây dựng chính quyền cũng chưa được quan tâm thật đúng mức.

Quán triệt Chỉ thị số 53 –CT/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng; Nghị quyết số 26 của Tỉnh uỷ về công tác đối với các đoàn thể quần chúng. Đảng bộ đã tăng cường đảng viên có năng lực, có phẩm chất, đạo đức tốt cho bộ máy các đoàn thể. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc xã và các đoàn thể như Thanh niên, Hội phụ nữ, Hội nông dân... đã bám sát vào nhiệm vụ chính trị của địa phương mang lại hiệu quả thiết thực. Mặt trận Tổ quốc có phong trào đoàn

kết, tiết kiệm, sống vui, sống khoẻ, trồng và chăm sóc bảo vệ cây; đoàn thanh niên duy trì phong trào ba xung kích làm chủ tập thể trong lao động sản xuất, trong học tập và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Hội phụ nữ đẩy mạnh phong trào người phụ nữ mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc do Trung ương Hội phát động tháng 3/1978, thực hiện phong trào sinh đẻ có kế hoạch, nuôi dạy con khoẻ, con ngoan, xoá bỏ các hủ tục lạc hậu, xây dựng gia đình hạnh phúc. Hội nông dân tập thể với phong trào thi đua thâm canh vượt khoán... các phong trào của các tổ chức quần chúng đã tạo ra khí thế mới trong lao động sản xuất, phát huy quyền làm chủ của người lao động, tích cực xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền và các đoàn thể vững mạnh.

Trong 10 năm (1976 – 1985), cùng cả nước thực hiện 2 nhiệm vụ chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc xã hội chủ nghĩa. Đảng bộ và nhân dân xã Trác Văn đã trải qua nhiều khó khăn thử thách do thiên nhiên gây ra như rét đậm, rét hại, mưa úng, lũ, lụt và sâu bệnh hại lúa và hoa mầu. Mặt khác, kẻ địch tiếp tục bao vây, cấm vận và tiếp tục gây căng thẳng ở biên giới phía Bắc và biên giới Tây Nam. Phát huy truyền thống anh hùng trong kháng chiến chống thực dân Pháp và truyền thống tự lực, tự cường khắc phục vươn lên khi hoà bình trở lại ở miền Bắc cũng như trong giai đoạn vừa sản xuất, vừa chiến đấu, vừa chi viện cho chiến trường miền Nam để đánh thắng giặc Mỹ. Đảng bộ xã Trác Văn đã kiên trì, đoàn kết từng bước tháo gỡ khó khăn để vươn lên. Sản xuất nông nghiệp bước đầu có chuyển biến, công tác xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, xây dựng các đoàn thể nhân dân được quan tâm. Những khó khăn dần dần đã được khắc phục. Trong những năm 1982, 1983 nhân dân Trác Văn gặp khó khăn về sản xuất, không đạt được mức độ giao khoán thì đến năm 1984 và năm 1985 đời sống dần dần ổn định, an ninh chính trị được giữ vững; phong trào hoạt động của các đoàn thể nhân dân đã đem lại khí thế mới trong sản xuất và xây dựng đời sống ở quê hương.

CHƯƠNG VI

ĐẢNG BỘ LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI THEO TÌNH THẦN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI LẦN THỨ VI CỦA ĐẢNG (1986 – 1990)

I - Thực hiện đường lối đổi mới, tập trung phát triển sản xuất ổn định và cải thiện đời sống nhân dân (1986 – 1990)

Những thắng lợi quan trọng trên mặt trận sản xuất nông nghiệp khi tiến hành tổ chức thực hiện Chỉ thị 100 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, đã cải thiện đáng kể đời sống nhân dân và có tác động đến sự phát triển của các thành phần kinh tế. Nhưng nhìn chung tình hình của đất nước sau việc điều chỉnh giá – lương - tiền vào cuối năm 1985, đất nước rơi vào khủng hoảng trầm trọng, lạm phát ở mức 3 con số. Đời sống của những người hưởng lương và chính sách xã hội gặp khó khăn.

Để tháo gỡ khó khăn, đưa đất nước ta tiếp tục phát triển và ổn định đời sống nhân dân. Từ ngày 15 đến 18/12/1986 Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI khai mạc ở Thủ đô Hà Nội. Căn cứ vào tình hình của đất nước, đại hội xác định những năm còn lại của chặng đường đầu tiên là ổn định về mọi mặt tình hình kinh tế xã hội. Tiếp tục xây dựng tiền đề cần thiết cho việc đẩy mạnh công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa. Đại hội đã chỉ ra phương hướng kinh tế 1986 – 1990 là: Bố trí lại cơ cấu sản xuất; điều chỉnh cơ cấu đầu tư (trong đó đặc biệt chú trọng 3 chương trình kinh tế lớn – lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu); xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, sử dụng và cải tạo đúng đắn các thành phần kinh tế; đổi

mới cơ cấu quản lý kinh tế; phát huy mạnh mẽ động lực khoa học kỹ thuật; mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại.

Quán triệt tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI; Nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IV; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Duy Tiên lần thứ XVI. Đảng bộ đã nhanh chóng triển khai thực hiện 4 chương trình kinh tế xã hội là: sản xuất lương thực, thực phẩm – hàng tiêu dùng – hàng xuất khẩu và chương trình dân số và lao động.

Tháng 10/1986, thực hiện Quyết định của Hội đồng Bộ trưởng về việc thành lập thị trấn Hoà Mạc. Toàn bộ thôn Hoà Mạc gồm 5 đội sản xuất với diện tích 122,31ha với 337 hộ bằng 2522 khẩu tách khỏi xã Trác Văn nhập về Hòa Mạc. Như vậy, xã Trác Văn còn lại 25 đội sản xuất với diện tích tự nhiên là 680,39 ha (trong đó đất nông nghiệp là 476,44 ha). Tổng số có 1602 hộ với 6265 khẩu và 2168 lao động.

Trong việc chỉ đạo thực hiện 4 chương trình kinh tế - xã hội, Đảng bộ đặc biệt chú trọng tới chương trình lương thực - thực phẩm để khắc phục ngay trước mắt của địa phương và góp phần chống khủng hoảng kinh tế lạm phát trong cả nước. Theo chỉ đạo của Huyện uỷ, Đảng uỷ xã mở Hội nghị về bố trí lại sản xuất, xác định các vùng chuyên canh, chuyển một số vùng từ độc canh sang đa canh tổng hợp như trồng mầu, lúa, cá, cây ăn quả và phát triển mô hình VAC. Để chuyển đổi và làm có hiệu quả, Đảng bộ đã tập trung ngay vào công tác thuỷ lợi, thay đổi cơ cấu giống, đi sâu vào thực hiện các biện pháp thâm canh trong trồng trọt và trong chăn nuôi

Công tác thuỷ lợi nhằm cải tạo đồng ruộng tiếp tục được tập trung. Qua những đợt khó khăn về thời tiết năm 1981, 1982 việc sửa

lại những máng để tạo cho dòng chảy được khắc phục. Đội 202 thực hiện ươm cống qua đường cửa ông Đào Văn Bội và cống qua máng thanh niên, khôi phục cống chìm Máng Y – 417. Thực hiện nạo vét máng chìm Sau Gia, cống chùa chân quai, ươm lại cống chùa, cống đường Đình Tường Thụy và cống cừ giữa ra máng A4 – 15, Y4- 17, Y4 – 15, đắp lại toàn bộ bờ vùng giữa đồng và cống máng bà Toái.

Song song với thủy lợi thì công tác giao thông nội đồng cũng được củng cố và giao thông đường thôn xóm cũng được tu sửa mở rộng để tạo điều kiện cho đi lại, thu hoạch và chăm bón: Các tuyến đường từ cống bảy cửa đi lò ngói, từ bảy cửa ra nhà truyền thống, từ truyền thống ra xóm Minh Giang, từ ngã tư Minh Giang đến ngõ ông Kha, từ cống ông Vân ra vườn cam Văn Bút, từ ngã tư nhà Ong ra đến thôn Tường Xá. Tổng cộng chiều dài của các đường trên là 9.800 m được rải đá, lu lèn với tổng kinh phí là 81.148.000 đồng. Các tuyến đường lớn hoàn thành tạo điều kiện cho xe cải tiến chuyển phân ra đồng, thu hoạch lúa khoai ngoài đồng và xe ô tô của nhà máy đường Vạn Điểm đến tận bờ ruộng để chở mía.

Đường điện và hệ thống truyền thanh của xã cũng được đầu tư, nâng cấp. Hệ thống cột điện xuống thôn xóm được thay từ tre, gỗ bằng ống dẫu. Xã đã làm thêm trạm biến thế cạnh Ủy ban nhân dân xã phục vụ cho 3 thôn là Lệ Thủy, Văn Bút, Lạt Hà. Nhân dân toàn xã đã có điện sinh hoạt và sử dụng vào các giờ trong ngày (sáng từ 4 giờ đến 6 giờ, trưa từ 10 giờ đến 14 giờ, tối từ 18 giờ đến 21 giờ). Hệ thống truyền thanh được thay dây thép bằng dây lưỡng kim đảm bảo các hoạt động thông suốt, kịp thời thông báo những chỉ đạo của xã, của hợp tác xã và tiếp âm đài Trung ương, đài tỉnh, đài huyện và phát

trực tiếp tin của xã. Hệ thống máy cũ của truyền thanh được thay thế bằng 2 máy có công suất lớn và được Ủy ban nhân dân xã, hợp tác xã trang bị cho một máy phát điện phòng trừ những lúc không có điện lưới. Hạ tầng cơ sở đã tạo điều kiện cho sản xuất phát triển.

Trong việc sản xuất lúa, Đảng uỷ đã chỉ đạo hợp tác xã mạnh dạn đưa một số giống lúa mới vào sản xuất, một số đã đưa vào nhưng không phù hợp với đồng ruộng thì chuyển đổi sang những vùng thửa khác, như giống nông nghiệp 8. Trần châu lùn, C37, CR203, VN10 và bố trí gieo mạ, cây đúng kỹ thuật cho từng loại giống kịp trong khung thời vụ. Công tác bảo vệ thực vật được triển khai đồng bộ, đội bảo vệ thực vật tổ chức phun thuốc phòng trừ và diệt sâu từ khi mới phát sinh. Chiến dịch “Hoa đăng bắt bướm” được phát động liên tục trong 1 tuần, hợp tác xã cung cấp dầu cho xã viên, mỗi tối có hàng ngàn đèn rải khắp các cánh đồng để tiêu diệt bướm hại lúa. Cây mía, cây khoai lang, ngô cũng chú trọng thâm canh. Lượng phân bón tăng hơn, ngoài phân chuồng được hợp tác xã cung cấp phân hoá học để bón. Kết quả, năng suất lúa của hợp tác xã đạt trên 30 tạ/ha, có ruộng khoai thâm canh tốt đã đạt 40 tạ/ha, vượt xa so với thời kỳ 1981 – 1985.

Sản xuất cây màu xen canh trên đất lúa trồng vụ đông cũng được khuyến khích phát triển. Năm 1987, toàn xã trồng được trên 30 mẫu ngô, khoai tây, khoai lang. Năm 1988 đã phát triển gấp đôi diện tích của năm 1987.

Trong chăn nuôi cũng có những chuyển biến, đàn lợn, gà vịt phát triển mạnh ở các hộ gia đình, chăn nuôi tập thể đang gặp khó khăn. Tuy vậy, thực phẩm chủ lực là thịt lợn vẫn tăng 10% so với